

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

NĂM 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	348,997,963,204	339,718,840,934
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8,065,539,347	18,123,438,970
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22,150,000,000	12,310,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	156,000,205,144	90,870,715,450
4	Hàng tồn kho	138,253,844,745	188,776,406,896
5	Tài sản ngắn hạn khác	24,528,373,968	29,638,279,618
II	Tài sản dài hạn	148,739,171,059	225,768,147,313
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	148,709,171,059	217,556,615,621
	- Tài sản cố định hữu hình	80,185,946,559	186,637,101,649
	- Tài sản cố định vô hình	16,843,202,857	30,894,043,972
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí XDCB dở dang	51,680,021,643	25,470,000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30,000,000	8,155,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	0	56,531,692
III	Tổng cộng tài sản	497,737,134,263	565,486,988,247
IV	Nợ phải trả	76,150,284,813	76,128,880,308
1	Nợ ngắn hạn	75,626,576,231	75,373,653,890
2	Nợ dài hạn	523,708,582	755,226,418
V	Vốn chủ sở hữu	421,586,849,450	489,358,107,939
1	Vốn chủ sở hữu	414,010,397,925	481,232,352,089
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140,405,800,000	169,558,760,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	104,020,925,000	104,020,925,000
	- Cổ phiếu quỹ	0	(10,000)
	- Quỹ đầu tư phát triển	102,404,249,703	135,013,567,797
	- Quỹ dự phòng tài chính	12,889,415,176	19,189,415,176
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54,290,008,046	53,449,694,116
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	7,576,451,525	8,125,755,850
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,576,451,525	8,125,755,850
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	497,737,134,263	565,486,988,247

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	831,544,910,647	680,230,929,501
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10,613,629,141	231,090,545
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	820,931,281,506	679,999,838,956
4	Giá vốn hàng bán	633,915,866,205	538,023,162,526
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187,015,415,301	141,976,676,430
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1,632,773,116	8,121,286,625
7	Chi phí hoạt động tài chính	22,746,479,103	509,924,145
8	Chi phí bán hàng	25,352,181,015	19,644,517,936
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,495,058,749	19,527,530,542
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113,054,469,550	110,415,990,432
11	Thu nhập khác	2,238,651,336	893,438,535
12	Chi phí khác	266,523	37,635,965
13	Lợi nhuận khác	2,238,384,813	855,802,570
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115,292,854,363	111,271,793,002
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18,424,376,939	15,261,941,906
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-56,531,692	0
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96,925,009,116	96,009,851,096
18	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	5,716	6,838
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1,000	3,000

Người lập biểu

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Tổng giám đốc

Phùng Hữu Luận

Lê Quang Doanh